

Bản án số: 70/2023/HS-PT

Ngày: 31/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Quang Nhuận;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2023/TLPT-HS ngày 22/5/2023 đối với bị cáo **Lê Hoàng T** do có kháng cáo của bị cáo **Lê Hoàng T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Lê Hoàng T**; Sinh ngày: 11/12/1980; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: **Số A, đường B, Khóm E, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Hoàng S** và bà **Nguyễn Thị A**; Có vợ là bà **Dương Thị Kim Q**, sinh năm 1985 và 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 2004, người con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2023 cho đến nay. (có mặt)

- **Bị hại có liên quan đến kháng cáo:** **Trần Phi H**; Sinh ngày: 22/7/2003; Nơi cư trú: **Số A, đường B, Khóm E, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**. (vắng mặt)

- **Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:** Người làm chứng ông **Trần Bảo L**, bà **Thạch Thị Mỹ N**, ông **Trần R**, ông **Phan Văn P**, bà **Dương Thị Kim Q**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 17 giờ 00 phút ngày 06/3/2022, Lê Hoàng T cùng vợ là bà Dương Thị Kim Q đến nhà Trần Phi H ở số A, đường B, Khóm E, Phường D, thành phố S để giải quyết mâu thuẫn về việc bà Q nghi ngờ H trước đó đạp ngã xe mô tô của bà Q tại khu vực vườn dừa do vợ chồng bà Q quản lý. Khi đến nhà H, T gặp cha của H là Trần Bảo L, ông của H là Trần R, dượng của H là Phan Văn P đang ngồi nhậu trước cửa nhà. Lúc này, do không thấy H nên T hỏi L về việc H và nhóm bạn của H đạp ngã xe mô tô của bà Q thì giữa T và L xảy ra cự cãi, đánh nhau bằng tay. Sau đó, T lấy hai khúc gỗ đánh vào vùng thái dương trái của L, còn L thì cầm một cục đá đánh vào vùng đỉnh đầu của T gây thương tích thì được Trần R và P can ngăn, trong lúc can ngăn thì Trần R bị sây sát da. Khi thấy L bị T gây thương tích thì H vào nhà lấy một cây dao ra để chém T nhưng được mọi người can ngăn, sau đó T giật được cây dao của H và bỏ đi về nhà. Khi T đi được một đoạn thì nghe H nói với L sao không đánh T thì T tức giận và cầm dao quay lại xông vào nhà chém liên tiếp vào hướng L và H, H dùng tay đỡ thì bị T gây thương tích ở cánh tay trái và hai bàn tay. Thấy H bị chém gây thương tích, L đi ra phía sau nhà lấy một cây phản ra để đánh T thì T bỏ chạy ra ngoài. Khi ra đến cửa nhà thì T gặp P, T nghĩ P đánh T nên dùng dao chém một cái trúng vào vai trái của P gây thương tích. Sau đó, H, T và P được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu. Sau khi sự việc xảy ra, L và T làm đơn yêu cầu xử lý hình sự nhưng sau đó rút lại yêu cầu xử lý hình sự, còn P thì không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định.

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích số 200/TgT-PY ngày 28/4/2022 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế tỉnh S kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Phi H như sau:

- Sẹo 1/3 mặt trước trong cẳng tay trái, kích thước 08cm x 01cm, bề mặt bờ vết sẹo sắc gọn, đứt cơ gấp cổ tay trụ đã được phẫu thuật khâu nối, hiện tại chức năng cẳng - cổ - bàn tay trái không bị hạn chế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%;

- Sẹo mặt lưng kéo dài từ khớp đốt bàn đến khớp đốt xả ngón I tay phải, kích thước 06cm x 0,8cm, bề mặt bờ vết sẹo sắc đứt 1 ngón I gọn, nứt vỏ xương tay phải, đứt bán phần gân gấp ngón I, đứt bao khớp bàn đốt 1 và bao khớp liên đốt 1, 2 ngón I tay phải đã được phẫu thuật khâu nối, hiện tại cứng khớp đốt bàn ngón I tay phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%, 03 % và 15 %.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Phi H hiện tại là 22%; thương tích do vật sắc gây nên.

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích số 300/TgT-PY ngày 08/7/2022 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế tỉnh S kết luận đối với tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Hoàng T như sau:

- Sẹo vùng trán đỉnh phải, kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%;

- Vết rối loạn sắc tố da vùng vai trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Lê Hoàng T** hiện tại là 03%; thương tích vùng trán đỉnh phải có đặc điểm do vật tày có cạnh gây nên; thương tích vùng vai trái do không rõ tính chất tổn thương nên không xác định được vật gây thương tích; thương tích vùng đầu nằm ở vùng nguy hiểm đến tính mạng.

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích số 306/TgT-PY ngày 15/7/2022 của Trung tâm Pháp y-**Sở Y tế tỉnh S** kết luận đối với tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Trần Bảo L** như sau:

- Sẹo vùng thái dương trái, kích thước 2,5cm x 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

- Sây sát da tay trái không còn di chứng tổn thương. Không xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Trần Bảo L** tế hiện tại là 01%; Thương tích vùng thái dương trái có đặc điểm do vật tày gây nên; thương tích vùng thái dương trái nằm ở vùng nguy hiểm đến tính mạng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo **Lê Hoàng T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng T** 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

* Ngày 04/5/2023, bị cáo **Lê Hoàng T** kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Lê Hoàng T** giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo **Lê Hoàng T** phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có căn cứ. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017) là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo **T** mức án 01 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Xét bị cáo **T** cho rằng phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do bị hại đánh bị cáo trước là không có cơ sở. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **T** đã bồi thường thêm cho bị hại **H** số tiền 10.000.000 đồng, điều này thể hiện bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Xét trong vụ án này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, không những gây tổn hại sức khỏe cho bị hại, mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, đặc biệt là tình hình tội phạm gây thương tích trên địa bàn diễn biến phức tạp nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận phần kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **T** và không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **T**, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo **T** từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại **Trần Phi H** vắng mặt không lý do. Xét sự vắng mặt của bị hại là không gây cản trở cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo **Lê Hoàng T** lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 04/5/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo **Lê Hoàng T**, về việc xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo **Lê Hoàng T** như sau: Vào lúc khoảng 17 giờ 00 phút ngày 06/3/2022, **Lê Hoàng T** cùng vợ là bà **Dương Thị Kim Q** đến nhà **Trần Phi H** để giải quyết mâu thuẫn về việc bà **Q** nghi ngờ **H** trước đó đập ngã xe mô tô của bà **Q** tại khu vực vườn dừa do vợ chồng bà **Q** quản lý. Sau đó, giữa **T** và **Trần Bảo L** (là cha ruột của **H**) xảy ra cự cãi, đánh nhau bằng tay. **T** lấy hai khúc gỗ đánh vào vùng thái dương trái của **L**, còn **L** thì cầm một cục đá đánh vào vùng đỉnh đầu của **T** gây thương tích thì được **Trần R** và **P** can

ngăn, trong lúc can ngăn thì **Trần R** bị sây sát da. Khi thấy **L** bị **T** gây thương tích thì **H** vào nhà lấy một cây dao ra để chém **T** nhưng được mọi người can ngăn, sau đó **T** giắt được cây dao của **H** và bỏ đi về nhà. Khi **T** đi được một đoạn thì nghe **H** nói với **L** sao không đánh **T** thì **T** tức giận và cầm dao quay lại xông vào nhà chém liên tiếp vào hướng **L** và **H**, **H** dùng tay đỡ thì bị **T** gây thương tích ở cánh tay trái và hai bàn tay. Thấy **H** bị chém gây thương tích, **L** đi ra phía sau nhà lấy một cây phản ra để đánh **T** thì **T** bỏ chạy ra ngoài. Khi ra đến cửa nhà thì **T** gặp **P**, **T** nghĩ **P** đánh **T** nên dùng dao chém một cái trúng vào vai trái của **P** gây thương tích. Sau khi sự việc xảy ra, **L** và **T** làm đơn yêu cầu xử lý hình sự nhưng sau đó rút lại yêu cầu xử lý hình sự, còn **P** thì không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định. Theo kết luận giám định, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Trần Phi H** do thương tích gây nên là 22%. Vì vậy, bị cáo **T** đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét hung khí mà bị cáo **Lê Hoàng T** dùng để gây thương tích cho bị hại **H** là cây dao có lưỡi dao bằng kim loại sắc bén là loại hung khí nguy hiểm nên bị cáo **T** phạm tội thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo **Lê Hoàng T** phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Lê Hoàng T**, về việc xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo **T** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo đã nộp tiền bồi thường cho bị hại xong; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mẹ ruột của bị cáo là người có công với cách mạng, bị hại xin bãi nại cho bị cáo trước và cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo **T** mức án 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **T** tiếp tục bồi thường cho bị hại **H** số tiền 10.000.000 đồng và bị hại tiếp tục xin giảm hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo hưởng án treo, điều này thể hiện bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cân nhắc giảm hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo **T** cho rằng phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do bị hại đánh bị cáo trước là không có cơ sở, vì giữa bị cáo **T** và ông **L** xảy ra cự cãi, đánh nhau trước, khi bị hại **H** dùng dao dọa chém bị cáo thì đã được can ngăn và

bị cáo đã giật lấy được cây dao của bị hại **H** rồi đi về nhà nhưng bị cáo lại tiếp tục quay lại chém bị hại **H**.

[5] Xét mặc dù bị cáo **T** bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, tình hình tội phạm về xâm phạm sức khỏe con người trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng diễn biến khá phức tạp, người phạm tội nghiêm trọng về xâm phạm sức khỏe của người khác phải được xử lý nghiêm minh mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cho nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), chấp nhận phần kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo **T** và không chấp nhận phần kháng cáo của xin hưởng án treo của bị cáo **T**, sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo **T** của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo **T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo **Lê Hoàng T**, về việc xin giảm hình phạt. Không chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo **Lê Hoàng T**, về việc xin hưởng án treo.

Sửa phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo **Lê Hoàng T** của Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Lê Hoàng T**.

Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng T** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo **Lê Hoàng T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thành phố S (02);
- VKSND thành phố S (01);
- CQĐT-Công an thành phố S (01);
- CQTHAHS-Công an TP. S (01);
- Chi cục THADS TP. S (01);
- Bị cáo (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ